TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1M
Độc lập –Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **297**/2017/DS-ST
Ngày: 08/12/2017
V/v: *Bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Phượng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Hoàng Nghiệp**;

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Chúc Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:

Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **08** tháng **12** năm **2017** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2012/TLST – DS ngày 25 tháng 12 năm 2012 về việc "*Bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 485/2017/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 527/2017/QĐST – DS ngày 26 tháng 9 năm 2017, Thông báo về việc thay đổi ngày mở phiên tòa số: 397/2017/TB –TA ngày 16 tháng 10 năm 2017, Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số: 564/2017/TB – TA ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Bà **Lâm Thị P**, sinh năm 1963; bà **Ngô Thị N**, sinh năm 1979; ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1982; ông **Ngô Văn T1**, sinh năm 1988; ông **Ngô Văn N**, sinh năm 1991; ông **Ngô Văn H**, sinh năm 1992; ông **Ngô Hoài D**, sinh năm 1995; ông **Ngô Hoài P**, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà P, ông T, ông T1, ông N, ông H ủy quyền cho bà N theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2013).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1989; ông **Lê Văn V (G),** sinh năm 1987; ông **Lê Văn P1,** sinh năm 1989. Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; ông **Huỳnh Thanh X**, sinh năm 1988, địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1971; ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1976; ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1977; ông **Nguyễn Văn P2**, sinh năm 1978; ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1980; ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1983; ông **Nguyễn Văn L1,** sinh năm 1987; ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1993. Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1983; bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, thị trấn L1 Bình, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông **Lê Văn T3,** sinh năm 1986; bà **Lê Thị N1 (N1 G)**, sinh năm 1983; ông **Lê Phước K1**, sinh năm 1977; bà **Lê Thị T (B T)**, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1960, địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông **Lê Văn Hồng S**, sinh năm 1965; bà **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: Ấp Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1963, địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa: Bà N có mặt; còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 12/10/2012, đồng nguyên đơn các ông bà: Lâm Thị P, Ngô Văn T, Ngô Văn T1, Ngô Văn N, Ngô Văn H và Ngô Thị N (D, P lúc này chưa đủ 18 tuổi, bà P là đại diện theo pháp luật), trình bày: Vào khoảng 18 giờ ngày 13/5/2005 thì Ngô Văn H có xuống sông tắm, trong lúc tắm thì có Nguyễn Văn H1, Lê Văn V, Lê Văn P1 và Huỳnh Thanh X, không biết đùa giỡn như thế nào mà có lời qua tiếng lại phát sinh mâu thuẫn kiếm chuyện với H. Lúc này thì ông Ngô Văn G can ngăn hai bên tưởng đã xong, không ngờ khoảng 50 phút sau thì H1, P1, V, X kéo đến trước cửa nhà ông G kêu H ra nói chuyện, H không ra. Anh của H tên T bước ra thì H1, V, P1, X nhào xuống đánh và xô T xuống sông để nhận nước, thấy vậy ông G can ngăn, bất ngờ một trong bốn người

H1, P1, V, X rút dao đâm thẳng vào tim ông G. Ông G được đưa đi cấp cứu còn H1, V, P1, X thì bị bắt đưa đến công an xã. Do không có tiền điều trị lâu nên chỉ điều trị tại bệnh viện 36 ngày thì xin ra viện, đến ngày 05/11/2007 thì ông G chết.

Đồng nguyên đơn yêu cầu H1, P1, V, X bồi thường thiệt hại với số tiền 40.000.000 đồng, sau khi khấu trừ 2.500.000 đồng mà 04 người này đã bồi thường trong thời gian nằm viện, số tiền còn lại là 37.500.000 đồng.

Biên bản Giám định pháp y số: 184/BBPY ngày 08 tháng 7 năm 2005 và công văn số 38/2005 ngày 26 tháng 10 năm 2005 của Tổ chức giám định pháp y và pháp y tâm thần tỉnh An Giang thì tỷ tệ thương tật của ông Ngô Văn G là 45%, thuộc trường hợp cố tật nặng. Ngày 23 tháng 5 năm 2006, Cơ quan điều tra công an huyện A ra quyết định số 01 Đình chỉ điều tra vụ án hình sự vì đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được ai là người gây ra thương tích cho ông G.

Tại bản án sơ thẩm số: 93/2010/DS –ST ngày 27/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện A đã xử buộc H1, P1, V, X, chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đồng nguyên đơn 23.518.000 đồng. Bản án không kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực thi hành.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số: 09/2011/DS.GĐT ngày 30/9/2011 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định: Hủy bản án sơ thẩm 93/2010/DS –ST ngày 27/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện A, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Ngày 25/12/2012 Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết lại thủ tục sơ thẩm. Trong đơn khởi kiện ngày 12/10/2012 thì đồng nguyên đơn yêu cầu bồi thường 79.000.000 đồng.

Theo biên bản lời khai ngày 12/7/2017, các biên bản ghi nhận sự vắng mặt ngày 25/8/2017 và 11/9/2017, thì bà N - nguyên đơn và đồng thời là đại diện cho các đồng nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu H1, P1, V, X cùng cha mẹ họ bồi thường thiệt hại số tiền 23.518.000 đồng.

Chứng cứ đồng nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm sổ hộ khẩu gia đình ông G, giấy ủy quyền, tờ xác lập tông chi, hóa đơn liên quan đến việc chữa trị bệnh cho ông G.

Ngày 13/11/2017 thì ông Ngô Hoài D và ông Ngô Ngoài P có gửi cho Tòa án đơn yêu cầu bổ sung, biên bản lời khai trình bày ý kiến, đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải, xét xử của Tòa án. Nội dung ghi nhận ông D và ông P do trước đây không

đủ 18 tuổi nên bà P - mẹ ruột làm đại diện theo pháp luật yêu cầu thay, nay D, P đã đủ tuổi nên tự yêu cầu H1, P1, V, X bồi thường 23.518.000 đồng.

Ông Huỳnh Thanh X trình bày: Ngày 13/5/2005 ông có cùng H, H1, V, P1 đi tắm sông và có xảy ra cự cải. Thương tích của ông G ông không gây ra và cũng không xác định được ai gây ra. Tuy nhiên ông cũng nhận một phần trách nhiệm là đã bồi thường cho ông G khoảng 1.500.000 đồng (trong tổng 2.500.000 đồng). Nay ông đồng ý bồi thường 5.879.000 đồng cho gia đình ông G.

Ông Huỳnh Văn D trình bày: Ông là cha ruột của Huỳnh Thanh X, vợ ông là bà Trần Thị N chết năm 2012. Ông thống nhất với lời trình bày của X, không bổ sung.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không có mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án.

Đối với các bị đơn:

Biên bản ngày 30/12/2013, ông Lê Văn V (G) trình bày: Khoảng năm 2005 ông có mâu thuẫn với ông H (con ông G) nên ông cùng H1, P1, X đến nhà H để nói chuyện. Khi gặp thì ông G và các con ông G xuống đánh 04 người ông, lúc đó ông chỉ can ngăn, không tham gia đánh nhau nhưng ông G đánh ông, ông bị lực lượng Xã đội đưa xuống Công an xã K. Hôm sau thì ông mới biết ông G bị đâm nhưng không biết ai đâm ông G, riêng bản thân ông thì không có đâm ông G. Do ông không trực tiếp tham gia vào cái chết của ông G nên ông không đồng ý bồi thường.

Biên bản ngày 19/3/2014, ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Khoảng năm 2005 ông với H (con ông G) có mâu thuẫn nhau nên ông cùng V, P1, X xuống nhà H nói chuyện. Lúc đó ông G và con ông G đánh ông, hai bên xảy ra xô xác, ông bị chém hai nhát dao vào tay, sau đó mới biết ông G bị đâm nhưng ai đâm thì ông không biết. Ông đồng ý bồi thường 2.000.000 đồng.

Biên bản ngày 05/9/2017, ông Lê Văn P1 trình bày: Cha ông là ông Lê Văn T (đã chết), mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Đ. Ông thừa nhận 2005 ông có cùng H1, V, X đánh nhau với ông G và đã gây ra cái chết cho ông G nhưng ông không biết ai là người đâm ông G. Nay ông đồng ý cùng H1, V, X bồi thường số tiền 23.518.000 đồng cho gia đình ông G.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Biên bản ngày 18/8/2013, ông Lê Hồng S trình bày: Ông là cha ruột của V (G), khi ông G nằm viện thì ông có hỗ trợ tiền thuốc hơn 1.000.000 đồng (không

nhớ cụ thể). Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông không có khả năng bồi thường.

Biên bản ngày 18/8/2013, ông Nguyễn Văn P2 trình bày: Ông là anh ruột của H1, sự việc xảy ra giữa ông H1 và ông G như thế nào thì ông không biết và ông cũng không có ý kiến gì.

Biên bản ngày 08/9/2017, bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là chị ruột của ông H1, cha bà là Nguyễn Văn S (đã chết), mẹ bà là Nguyễn Thị N1 (đã chết). Ông Sòi, bà N1 chết đều không để lại bất cứ tài sản gì cho anh chị em bà, bởi mỗi người đều có gia đình và có cuộc sống riêng. Hiện H1 thì đi làm thuê ở Bình Dương, cuộc sống khó khăn.

Tòa án còn tiến hành ghi lời khai của bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột P1) ngày 05/9/2017 và ngày 06/9/2017 nhưng đều không làm việc được dưới sự chứng kiến của chính quyền địa P2.

Ngoài ra Tòa án còn tiến hành xác minh nhân thân, nơi cư trú đối với cha mẹ, anh chị em ruột của P1 và H1, được Công an thị trấn L trả lời theo Công văn số: 99/CV –CATT ngày 16/03/2016. Thêm vào đó là biên bản lời khai ngày 08/9/2017 của ông Nguyễn Tuấn O - Cán bộ Công an thị trấn L.

Tại phiên toà hôm nay: Bà N vẫn bảo lưu ý kiến trên. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, tuy nhiên chậm đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, buộc H1, P1, V, X bồi thường số tiền 23.518.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các ông bà P, N, T, T1, N, H, D, P kiện H1, P1, V, X yêu cầu bồi thường thiệt hại do gây tổn hại sức khỏe cho ông G, sau đó dẫn đến chết, xác định quan hệ tranh chấp là: "*Yêu cầu bồi*

thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm ", đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông G bị tổn hại sức khỏe ngày 13/5/2005, ngày 05/7/2007 thì chết, đến ngày 13/5/2009 thì khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết, sau đó bản án cấp sơ thẩm bị Giám đốc thẩm hủy và giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung năm 2011. Ngày 12/10/2012 đồng nguyên đơn làm lại đơn khởi kiện, do đó, thời hiệu được xác lập lại cho đến nay. Căn cứ Điều 588 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu là 03 năm (dẫn chiếu theo Điều 688 Bộ luật dân sự 2015), xác định vụ việc còn trong thời hiệu.

[3] Tư cách tham gia tố tụng: Ông G bị xâm phạm sức khỏe dẫn đến chết, hàng thừa kế của ông G hiện còn lại các ông,bà: P, N, T, T1, N, H, D, P (theo xác lập tông chi ngày 15/3/2013) kiện yêu cầu H1, P1, V, X bồi thường thiệt hại. Xác định các ông bà P, N, T, T1, N, H, D, P là đồng nguyên đơn. Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2012 thì D, P chưa đủ 18 tuổi thì bà P là người đại diện theo pháp luật nên được quyền đứng đơn yêu cầu luôn phần của D, P. Tại thời điểm xét xử D, P đã trên 18 tuổi và cũng có đơn yêu cầu bổ sung và lời khai trình bày cho Tòa án nên được chấp nhận; H1, P1, V, X là người trực tiếp xâm phạm sức khỏe của ông G nên là đồng bị đơn; Do thời điểm thực hiện hành vi H1, P1, X đều chưa đủ 18 tuổi nên đưa cha mẹ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, riêng đối với V (G) thì sinh ngày 15/5/1987 (theo giấy khai sinh) đã đủ 18 tuổi, 02 ngày. Cha mẹ của một trong bốn bị đơn chết nên tiếp tục đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là các con vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về thủ tục ủy quyền: Đồng nguyên đơn có gởi cho Tòa án văn bản ủy quyền ngày 15/3/2013 trong đó các ông bà: P, T, T1, N, H, D, P ủy quyền cho bà N, thời hạn ủy quyền cho đến khi kết thúc vụ kiện. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử nhận thấy tại thời điểm ủy quyền thì D, P chưa đủ 18 tuổi nên không thể ủy quyền mà lúc này bà P là người đại diện theo pháp luật. Bà P đã ủy quyền cho bà N nên văn bản ủy quyền này vẫn có giá trị pháp lý, do đó chấp nhận các ông bà P, T, T1, N, H ủy quyền cho bà N.

[4] *Về nội dung tranh chấp*: Đồng nguyên đơn xác định H1, P1, V, X là người có hành vi tác động gây tổn hại sức khỏe và dẫn đến cái chết cho ông G, yêu cầu bồi thường thiệt hại 23.518.000 đồng. Quá trình lấy lời khai thì các bị đơn đều thừa nhận có mặt tại hiện trường xảy ra vụ án, trùng khớp với thời gian mà ông G bị tổn hại sức khỏe. Cả bốn người đều thừa nhận tham gia đánh nhau với Ngô Văn T và Ngô Văn H, hai bên xô nhau, lúc đó có ông G, sau đó thì ông G bị đâm vào ngực gây thương tích, tuy nhiên không ai trong bốn người thừa nhận là người trực tiếp đâm ông G và cũng không biết ai đâm, quá trình điều tra cũng không chứng minh được. Riêng ông H1 lúc đầu khai có dùng dao đâm vào ngực ông G, nhưng

sau đó thì không nhận (theo báo cáo kết thúc điều tra ngày 23 tháng 5 năm 2006). Thời gian và địa điểm ông G bị đâm thì H1, P1, V, X đều có mặt, do đó việc 04 người này không thừa nhận và không biết ai là người đâm ông G là vô lý. Từ những căn cứ trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Mức thiệt hại thực tế và các khoản yêu cầu bồi thường: Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà N đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện theo hướng có lợi cho đồng bị đơn, cụ thể số tiền yêu cầu là 23.518.000 đồng bằng bản án sơ thẩm số: 93/2010/DS –ST ngày 27/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện A. Số tiền này bao gồm các khoản thiệt hại được nhận định trong bản án sơ thẩm gồm:

Tiền thuốc, tiền điều trị tại Bệnh viện đa khoa thị xã C 7.658.000 đồng;

Tiền xe chuyển bệnh 210.000 đồng;

Tiền mất thu nhập của ông G trong thời gian nằm việc và thời gian về nhà cần người chăm sóc 900.000 đồng x 2 người x 3 tháng = 5.400.000 đồng;

Tiền ăn uống phục hồi sức khỏe sau khi ra viện 3.000.000 đồng;

Tiền tổn thất về tinh thần: dựa trên mức độ thiệt hại và sự mất mát của gia đình bà tại thời điểm xảy ra thiệt hại là 15 tháng x 650.000 đồng = 9.750.000 đồng (căn cứ vào mức lương cơ bản tại thời điểm xảy ra thiệt hại).

Tổng các khoảng tiền đồng nguyên đơn yêu cầu bồi thường là 26.018.000 đồng. Các khoản này sau khi khấu trừ 2.500.000 đồng mà gia đình các bị đơn đã bồi thường cho ông G trong thời gian nằm viện thì còn lại 23.518.000 đồng.

Trong 04 bị đơn H1, P1, V, X thì ai là người đứng ra bồi thường chi phí nằm viện 2.500.000 đồng cho ông G thì bà N cũng không biết và các bị đơn cũng không chứng minh được mặc dù có trình bày trong biên bản lời khai, do đó không thể khấu trừ riêng từng người.

Thời gian gây ra thiệt hại là ngày 13/5/2005, lúc này Bộ luật dân sự năm 1995 vẫn đang có hiệu lực (Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực ngày 01/01/2006), từ đó kéo dài đến 05/11/2007 thì ông G mới chết, mặc khác khi xem xét các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì Bộ luật dân sự năm 1995, Nghị quyết 01/2004/NQ – HĐTP ngày 28 tháng 04 năm 2004 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự 1995 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đều xác định thiệt hại tương đối giống nhau, nên HĐXX áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Việc đồng nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định tại Điều 609 của Bộ Luật dân sự

2005 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006, điều này cũng có lợi cho đồng bị đơn, do đó HĐXX chấp nhận số tiền 23.518.000 đồng.

[6] Về lỗi và trách nhiệm bồi thường: Do không thể xác định ai trong số các bị đơn H1, P1, V, X là người trực tiếp gây thương tích cho ông G nên họ phải cùng liên đới bồi thường số tiền 23.518.000 đồng cho đồng thừa kế của ông G. Mức độ lỗi cũng không thể xác định được trong trường hợp này, nên họ phải bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau, tức mỗi người phải bồi thường là 5.894.500 đồng.

Thời điểm xảy ra thiệt hại là ngày 13/5/2005, lúc này H1, P1, X đều chưa đủ 18 tuổi, riêng V sinh ngày 15/5/1987 nên được 18 tuổi 02 ngày (theo giấy khai sinh). Do đó, cha mẹ của H1, P1, X phải cùng có trách nhiệm bồi thường, bởi lúc này H1, P1, X đều trên 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên họ phải bồi thường bằng chính tài sản của mình nếu tài sản họ không đủ thì cha mẹ họ bồi thường phần còn thiếu. V trên 18 tuổi nên tự chịu trách nhiệm bồi thường.

Bà M - chị ruột H1 cho biết cha mẹ H1 đều đã chết và không để lại tài sản, vì vậy H1 phải tự chịu trách nhiệm bồi thường, bởi luật không quy định anh chị em ruột thay thế cha mẹ trong trường hợp này; P1 còn mẹ ruột là bà Đ nên bà Đ và P1 phải bồi thường; X còn cha ruột là ông D nên X và ông D cùng có trách nhiệm bồi thường.

Về án phí: H1, P1, V, X, D, Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 605, 609, 616 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006;

Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 48 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009.

Xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm 55.482.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn: Bà Lâm Thị P, bà Ngô Thị N, ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1, ông Ngô Văn N, ông Ngô Văn H, ông Ngô Hoài D, ông Ngô Hoài P.

Buộc ông **Nguyễn Văn H1** trả cho đồng nguyên đơn: Bà Lâm Thị P, bà Ngô Thị N, ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1, ông Ngô Văn N, ông Ngô Văn H, ông Ngô Hoài D, ông Ngô Hoài P số tiền 5.879.500 đồng.

Buộc ông **Lê Văn V (G)** trả cho đồng nguyên đơn: Bà Lâm Thị P, bà Ngô Thị N, ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1, ông Ngô Văn N, ông Ngô Văn H, ông Ngô Hoài D, ông Ngô Hoài P số tiền 5.879.500 đồng.

Buộc ông **Lê Văn P1** và bà **Nguyễn Thị Đ** trả cho đồng nguyên đơn: Bà Lâm Thị P, bà Ngô Thị N, ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1, ông Ngô Văn N, ông Ngô Văn H, ông Ngô Hoài D, ông Ngô Hoài P số tiền 5.879.500 đồng.

Buộc ông **Huỳnh Thanh X** và ông **Huỳnh Văn D** trả cho đồng nguyên đơn: Bà Lâm Thị P, bà Ngô Thị N, ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1, ông Ngô Văn N, ông Ngô Văn H, ông Ngô Hoài D, ông Ngô Hoài P số tiền 5.879.500 đồng.

Kể từ ngày đồng nguyên đơn: Bà Lâm Thị P, bà Ngô Thị N, ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn T1, ông Ngô Văn N, ông Ngô Văn H, ông Ngô H D, ông Ngô H P có đơn yêu cầu Thi hành án thì hàng tháng H1, V, P1, Đ, X, D còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H1 chịu ***293.975 đồng*** tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Lê Văn V (Giác) chịu ***293.975 đồng*** tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Lê Văn P1 và bà Nguyễn Thị Đ chịu ***293.975 đồng*** tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Huỳnh Thanh X và ông Huỳnh Văn D chịu ***293.975 đồng*** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/12/2017); các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Lâm N1 Phượng